

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ -ST  
Ngày: 25/5/2022  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vũ Văn Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Phạm Văn Hùng

2. Bà: Lê Thị Thảo

*Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Hải Vân -Thư ký Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:*

Bà: Nhữ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022

*- Nguyên đơn:* Chị Hà Thị M, sinh năm: 1982

HKTT: Thôn L, xã C, huyện B, Thanh Hóa.

*- Bị đơn:* Anh Hà Việt H, sinh năm: 1974

HKTT: Thôn L, xã C, huyện B, Thanh Hóa.

Các bên đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2022, bản tự khai nguyên đơn chị M trình bày: Chị và anh H lấy nhau hai bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, Thanh Hóa ngày 25/10/2002. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung với gia đình anh H, sau đó làm nhà ra ở riêng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 10/2003 sinh con đầu, đến tháng 6/2014 sinh con thứ hai. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường xuyên chửi bới, đánh đập chị, mỗi khi có rượu thì lại nặng nề hơn, thường xuyên ghen tuông vô cớ không có lý do. Vợ chồng đã nhiều lần được gia đình 2 bên và thôn bản hòa giải, chỉ vì thương con

nên chị cố gắng chịu đựng, nhiều lần tha thứ, bỏ qua để cho các con có gia đình êm ấm, nhưng anh H không thay đổi, vẫn chứng nào tật nấy. Gần đây nhất ngày 4/3/2022 anh H lại có hành vi kiểm chuyện rồi chửi, đánh chị, nên chị đã về nhà bố mẹ để đẻ sinh sống, không về chung sống với anh H nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con, Hà Văn H, sinh ngày 31/10/2003 và Hà Kim L, sinh ngày 18/6/2014. Cháu H đã thành niên, hiện nay đang đi bộ đội, cháu hiện đang được cả 2 bên chăm sóc. Nay ly hôn cháu H đã trưởng thành cháu ở với ai tùy cháu, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu L, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Sau khi tòa án thụ lý vụ án chị đề nghị chia tài sản chung, nhưng sau đó xét thấy để lại cho chồng con nên chị rút yêu cầu, nay ly hôn anh H hỗ trợ cho chị số tiền 30.000.000đ đề nghị Tòa án công nhận. Chị không lấy bất kỳ tài sản gì.

Bị đơn anh Hùng trình bày: Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn xảy ra như chị M trình bày là đúng thực tế. Nhưng về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là chị M sống không chung thủy với anh, có quan hệ tình cảm với người khác gần nhà, anh khuyên bảo và bỏ qua nhưng chị M vẫn cương quyết ly hôn, có lúc khuyên bảo không được anh có đánh chị M, thôn bản cũng đã hòa giải, gần đây nhất ngày 4/3/2022 vợ chồng lại có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh không muốn chị M tiếp xúc với chú H người gần nhà nhiều nên có tranh cãi, anh cũng có túm cổ, kéo tóc chị M để chị M quay lại. Từ hôm đó chị M về nhà ngoại ở, anh cũng đã nhiều lần lên xin lỗi, xin tha thứ nhưng chị M không đồng ý và yêu cầu ly hôn. Nay anh nhận thấy việc đánh vợ là sai, mong chị M suy nghĩ lại vì con cái để đoàn tụ. Bản thân anh cũng rất thương vợ thương con. Vì vậy anh không đồng ý ly hôn, đề nghị vợ chồng bỏ qua cho nhau về đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con như chị M trình bày.

Cháu đầu là Hà Văn H sinh năm 2003 đã thành niên và đi bộ đội, nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ chung: Sau khi tòa án thụ lý vụ án anh đề nghị chia tài sản chung và công nợ, nhưng sau đó vợ chồng đã thỏa thuận không tranh chấp nên anh đã rút yêu cầu. Nay ly hôn anh nhất trí hỗ trợ cho chị M số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nay tại phiên tòa Nguyên đơn có mặt, chị M đề nghị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con, Hà Văn H, sinh ngày 31/10/2003 và Hà Kim L, sinh ngày 18/6/2014. Cháu H đã thành niên, hiện nay đang đi bộ đội, cháu ở với ai tùy cháu, cháu L chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu L, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung, cháu L cũng có nguyện vọng ở với chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về tài sản, công nợ chung: Nay ly hôn anh H có trách nhiệm giao cho chị số

tiền 30.000.000đ để tạo lập cuộc sống.

Ý kiến anh H: Tuy vợ chồng có mâu thuẫn xảy ra. Anh nhiều lúc không kìm chế được có đánh chị M, nhưng mong chị M bỏ qua để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con, Hà Văn H, sinh ngày 31/10/2003 và Hà Kim L, sinh ngày 18/6/2014. Cháu H đã thành niên, hiện nay đang đi bộ đội, cháu ở với ai tùy cháu, cháu L có nguyện vọng ở với mẹ, anh nhất trí nay ly hôn giao chị M trực tiếp nuôi cháu L, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Nay ly hôn anh nhất trí có trách nhiệm giao cho chị M số tiền 30.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147, Điều 273 - BLTTDS. Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, xử cho chị Hà Thị M được ly hôn anh Hà Việt H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con, Hà Văn H, sinh ngày 31/10/2003 và Hà Kim L, sinh ngày 18/6/2014. Cháu H đã thành niên, hiện nay đang đi bộ đội, cháu ở với ai tùy cháu, cháu L có nguyện vọng ở với mẹ, ghi nhận việc thỏa thuận của vợ chồng giao chị M trực tiếp nuôi cháu L, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung

Về tài sản, công nợ chung: Nay ly hôn anh nhất trí có trách nhiệm giao cho chị M số tiền 30.000.000đ để tạo lập cuộc sống đề nghị ghi nhận.

Về án phí: Vợ chồng anh H và chị M thuộc hộ cận nghèo năm 2022, chị đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí. Vì vậy chị M được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thẩm Quyền: Chị M và anh H đều có hộ khẩu ở xã c, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị M và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa nên được công

nhận là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng là do anh H thường xuyên ghen tuông vô cớ dẫn đến việc có hành vi bạo lực đối với chị M. Anh H cho rằng nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là chị M sống không chung thủy có quan hệ tình cảm vượt qua giới hạn với người khác, anh khuyên ngăn không được nên không kìm chế được bản thân nên có đánh chị M. Nay chị M có đơn đề nghị Tòa án huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh H, anh H không đồng ý ly hôn mong muốn được đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trăm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị M được ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con, Hà Văn H, sinh ngày 31/10/2003 và Hà Kim L, sinh ngày 18/6/2014. Cháu H đã thành niên, hiện nay đang đi bộ đội, cháu ở với ai tùy cháu, cháu L có nguyện vọng ở với mẹ, chị M có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu L, Xét nguyện vọng của chị M và nguyện vọng của cháu L là chính đáng nên ghi nhận việc thỏa thuận của vợ chồng giao chị M trực tiếp nuôi cháu L, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung

[5] Về tài sản, công nợ chung: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh H chị M đều yêu cầu chia tài sản và công nợ chung, sau đó hai bên có rút phần yêu cầu chia tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết, hai bên thỏa thuận sau ly hôn anh H có trách nhiệm giao cho chị M số tiền 30.000.000đ. Xét việc rút yêu cầu chia tài sản, công nợ chung là phù hợp. Vì vậy, căn cứ khoản 2 điều 244-BLTTDS đình chỉ phần yêu cầu chia tài sản và công nợ của vợ chồng, công nhận việc thỏa thuận của hai bên về việc anh H có trách nhiệm giao cho chị M số tiền 30.000.000đ sau ly hôn để chị M tạo lập cuộc sống.

[6] Về án phí: Chị M, anh H thuộc hộ cận nghèo năm 2022, chị M đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí. Vì vậy, chị M được miễn nộp tiền án phí và án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 điều 19 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị M được ly hôn anh Hà Việt H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con, cháu Hà Văn H, sinh ngày 31/10/2003. Cháu H đã thành niên cháu ở với ai tùy cháu, cháu Hà Kim L, sinh ngày 18/6/2014. Nay ly hôn giao cho chị M trực tiếp nuôi cháu L đến tuổi thành niên, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Sau khi ly hôn, anh H có trách nhiệm giao cho chị M số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)

Sau khi án có hiệu lực pháp luật chị M có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan Thi hành án ra quyết định, anh H chưa thi hành số tiền phải thi hành án theo thỏa thuận, thì hàng tháng anh H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 –BLDS năm 2015, tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Về án phí: Chị M thuộc hộ cận nghèo nên được miễn nộp tiền án phí và án phí. Trả lại cho chị M 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0008541 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 09/3/2022.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Nga**